

Số: 130 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2015, từ trang 4 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán độc lập ngày 17 tháng 3 năm 2014 với ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2015

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Văn Đình Khuê
Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1178-2013-001-1



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long

Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		674.324.250.697 ✓	484.556.754.805 ✓
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	188.495.115.029 ✓	212.873.059.571 ✓
1. Tiền	111		4.823.569.352 ✓	5.160.778.324 ✓
2. Các khoản tương đương tiền	112		183.671.545.677 ✓	207.712.281.247 ✓
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		257.384.941.666 ✓	115.848.141.795 ✓
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	257.384.941.666 ✓	115.848.141.795 ✓
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		174.410.691.118 ✓	103.092.697.423 ✓
1. Phải thu khách hàng	131		133.772.053.697 ✓	63.553.915.778 ✓
2. Trả trước cho người bán	132		8.928.059.770 ✓	6.021.830.293 ✓
3. Các khoản phải thu khác	135	7	47.885.322.395 ✓	33.598.637.016 ✓
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(16.174.744.744) ✓	(81.685.664) ✓
IV. Hàng tồn kho	140	8	49.891.297.717 ✓	49.144.324.076 ✓
1. Hàng tồn kho	141		49.891.297.717 ✓	49.144.324.076 ✓
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.142.205.167 ✓	3.598.531.940 ✓
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		92.492.678 ✓	198.830.908 ✓
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.481.772.489 ✓	2.955.878.032 ✓
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		567.940.000 ✓	443.823.000 ✓
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200= 220+250+260)	200		919.122.365.440 ✓	972.208.694.783 ✓
I. Tài sản cố định	220		750.312.381.414 ✓	813.210.759.969 ✓
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	564.171.292.815 ✓	700.228.069.096 ✓
- Nguyên giá	222		2.178.807.123.918 ✓	2.172.378.139.799 ✓
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.614.635.831.103) ✓	(1.472.150.070.703) ✓
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	18.946.984.581 ✓	12.338.577.471 ✓
- Nguyên giá	228		22.600.843.910 ✓	15.252.657.760 ✓
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.653.859.329) ✓	(2.914.080.289) ✓
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	167.194.104.018 ✓	100.644.113.402 ✓
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		167.609.315.885 ✓	158.178.144.533 ✓
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	13	8.498.144.533 ✓	6.098.144.533 ✓
2. Đầu tư dài hạn khác	258	14	173.080.000.000 ✓	152.080.000.000 ✓
3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259	14	(13.968.828.648) ✓	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.200.668.141 ✓	819.790.281 ✓
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		124.541.893 ✓	124.541.893 ✓
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.076.126.248 ✓	695.248.388 ✓
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.593.446.616.137 ✓	1.456.765.449.588 ✓

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long

Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÀU B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		527.326.640.516	483.743.361.149
I. Nợ ngắn hạn	310		181.880.036.628	248.973.525.747
1. Vay ngắn hạn	311	15	44.348.186.150	117.336.000.000
2. Phải trả người bán	312		22.872.163.965	27.301.066.836
3. Người mua trả tiền trước	313		96.954.862	18.438.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	43.580.650.677	47.523.924.845
5. Phải trả người lao động	315		28.525.610.377	18.743.622.502
6. Chi phí phải trả	316	17	13.254.735.845	14.094.221.813
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	21.064.769.588	16.954.614.988
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		8.136.965.164	7.001.636.763
II. Nợ dài hạn	330		345.446.603.888	234.769.835.402
1. Vay dài hạn	334	19	343.376.404.038	234.738.195.402
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		45.561.600	31.640.000
3. Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		2.024.638.250	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1.030.720.716.994	937.186.831.672
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	1.030.720.716.994	937.186.831.672
1. Vốn cổ phần	411		700.000.000.000	700.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		56.454.368.091	56.454.368.091
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(170.802.403)	(170.802.403)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		29.226.057.428	46.889.661
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	24.251.370.991
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		245.211.093.878	156.605.005.332
C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỞ	439	21	35.399.258.627	35.835.256.767
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		1.593.446.616.137	1.456.765.449.588



Hồ Thành Công
Người lập biểu



Huỳnh Văn Khánh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long

Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

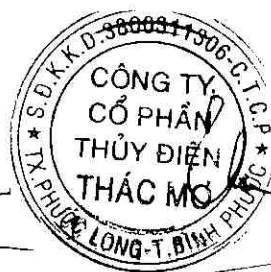
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	687.318.588.435	496.638.052.141
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		687.318.588.435	496.638.052.141
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	299.977.693.858	238.694.546.745
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		387.340.894.577	257.943.505.396
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	24.268.097.945	22.480.502.161
6. Chi phí tài chính	22	27	49.648.707.922	48.193.658.828
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		35.679.879.274	48.061.739.960
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		47.979.215.136	22.837.193.279
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		313.981.069.464	209.393.155.450
9. Thu nhập khác	31		1.872.194.625	974.080.571
10. Chi phí khác	32		2.125.281.023	1.146.076.863
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(253.086.398)	(171.996.292)
12. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	45		-	20.421.729
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		313.727.983.066	209.241.580.887
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	71.902.121.144	48.493.748.356
15. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(366.956.260)	(35.738.641)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		242.192.818.182	160.783.571.172
Phân bổ cho:				
- Lợi ích cổ đông thiểu số	61		2.866.169.527	4.393.799.611
- Cổ đông của công ty mẹ	62		239.326.648.655	156.389.771.561
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	3.419	2.234



Hồ Thành Công
Người lập biểu



Huỳnh Văn Khánh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2015

500-L
NHÂN
NG T
HIỆM H
OIT
T NAI
HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long

Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

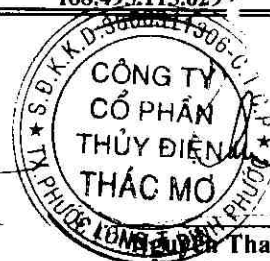
Mẫu B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	313.727.983.066	209.241.580.887
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	144.845.495.258	141.944.885.608
Các khoản dự phòng	03	30.061.887.728	(311.013.191)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(24.550.129.351)	(22.369.005.023)
Chi phí lãi vay	06	35.679.879.274	48.061.739.960
3. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	499.765.115.975	376.568.188.241
Thay đổi các khoản phải thu	09	(98.453.258.190)	36.611.721.453
Thay đổi hàng tồn kho	10	(746.973.641)	(43.482.603.486)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(27.414.788.364)	20.931.094.219
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản khác	12	106.338.230	809.288.209
Tiền lãi vay đã trả	13	(35.340.065.769)	(45.768.183.178)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(46.949.555.237)	(56.312.880.128)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(5.054.071.459)	(4.204.279.192)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	285.912.741.545	285.152.346.138
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(75.708.909.993)	(43.049.212.840)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	329.178.188	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(162.536.799.871)	(105.730.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	29.811.172.777
5. Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.400.000.000)	(4.061.730.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	9.845.772.890
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19.059.160.457	22.735.513.359
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(221.257.371.219)	(90.448.483.814)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	371.795.271.330	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(320.419.628.098)	(77.312.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(140.408.958.100)	(104.036.057.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(89.033.314.868)	(181.348.057.100)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(24.377.944.542)	13.355.805.224
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	212.873.059.571	199.517.254.347
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	188.495.115.029	212.873.059.571

Hồ Thành Công
Người lập biểu

Huỳnh Văn Khánh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2015